TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1622/2021/DS-ST
Ngày: 22/6/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2883/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X

Trụ sở: Tòa nhà V, đường L, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quốc V, sinh năm 1976

Địa chỉ liên lạc: Đường V, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: đường L, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Ngân hàng X do ông Hồ Quốc V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/6/2015, Ngân hàng X (viết tắt là E) - Chi nhánh Thủ Đức và bà Nguyễn Thị L ký Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế, theo đó, E phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho bà L, hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, bà L đã sử dụng thẻ để thanh toán tiền mua hàng. Bà L đã thanh toán đúng nợ cho E. Tuy nhiên, từ ngày 08/11/2018 cho đến nay, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, E khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 23/12/2020 là 59.272.624 đồng, trong đó, nợ gốc là 19.043.779 đồng, nợ lãi, phí là 40.228.845 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 24/12/2020 cho đến khi bà L thanh toán xong nợ theo mức lãi suất và mức phí quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng X thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu bà L trả lại cho E số tiền nợ gốc là 19.043.779 đồng, nợ lãi tính đến ngày 22/6/2021 là 21.032.426 đồng, tổng cộng là 40.076.205 đồng. Bà L có trách nhiệm trả tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 23/6/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi, phí được thỏa thuận tại Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 12/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng X – Chi nhánh Thủ Đức với bà L và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của E.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L có đăng ký thường trú tại 88/5, đường Linh Đông, khu phố 7, phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu. Đồng thời, theo Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký kết giữa E – Chi nhánh Thủ Đức và bà L thể hiện địa chỉ bà L ghi trong hợp đồng là địa chỉ nơi thường trú. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của E nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, E thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Tuy nhiên, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Do đó, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của E, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế được ký kết giữa E – Chi nhánh Thủ Đức và bà L, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L được E cấp thẻ tín dụng quốc tế số thẻ VC458444, hạn mức 30.000.000 đồng, sau khi được cấp thẻ, bà L đã sử dụng thẻ để thanh toán tiền mua hàng, từ ngày 08/11/2018 cho đến nay, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho E.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, E là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, E và bà L được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bà L có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Căn cứ Điều 2, 9 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của E, do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ.

Như vậy, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho E số tiền còn nợ tính đến ngày 22/6/2021 là 40.076.205 đồng, trong đó, nợ gốc là 19.043.779 đồng, nợ lãi là 21.032.426 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 23/6/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi, phí được thỏa thuận tại Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 12/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng X – Chi nhánh Thủ Đức với bà L và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho E theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 4 Điều 189, Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X số tiền còn nợ tính đến ngày 22/6/2021 là 40.076.205 (Bốn mươi triệu, bảy mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ năm) đồng, trong đó, nợ gốc là 19.043.779 (Mười chín triệu, bốn mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi chín) đồng, nợ lãi là 21.032.426 (Hai mươi mốt triệu, ba mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu) đồng.

1.2 Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 23/6/2021 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi, phí được thỏa thuận tại Đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 12/6/2015 được ký kết giữa Ngân hàng X – Chi nhánh Thủ Đức với bà Nguyễn Thị L và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng X.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu là 2.003.810 (Hai triệu ba nghìn tám trăm mười) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 845.955 (Tám trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0058023 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu